

90

J: 39
H: 06

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 08/05/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122030086	Trần Phú An	25/02/2004	CCQ2203C		<i>[Signature]</i>	6,5	2,3	2,0	
2	2123120261	Phan Thị Ngọc Anh	27/06/2005	CCQ2312E		<i>[Signature]</i>	7,4	3,3	4,9	
3	2122170338	Nguyễn Văn Quốc Bảo	10/01/2004	CCQ2227B		<i>[Signature]</i>	6,4	8,0	7,4	
4	2123140055	Trần Quốc Đạt	06/07/2005	CCQ2314B		<i>[Signature]</i>	8,0	2,6	4,8	
5	2123030122	Nguyễn Văn Định	17/10/2003	CCQ2303D		<i>[Signature]</i>	8,6	6,2	7,2	
6	2123170274	Lê Doãn	03/05/2005	CCQ2317H		<i>[Signature]</i>	7,1	4,1	5,3	
7	2122170553	Mai Thành Duy	26/10/2004	CCQ2217N		<i>[Signature]</i>	9,4	6,1	7,4	
8	2123140046	Nguyễn Anh Hào	09/11/2005	CCQ2314B		<i>[Signature]</i>	9,0	4,0	6,0	
9	2123170108	Trần Trung Hiếu	22/12/2005	CCQ2317D		<i>[Signature]</i>	6,6	5,0	5,6	
10	2123210083	Nguyễn Văn Hoàn	11/07/2005	CCQ2321C		<i>[Signature]</i>	9,8	9,1	9,4	
11	2122170543	Ngô VT Hưng	24/04/2004	CCQ2217N		<i>[Signature]</i>	8,9	5,6	6,9	
12	2122120375	Hà Trần Quốc Huy	02/09/2004	CCQ2212K			0,0			
13	2122170324	Trần Đình Khương	09/03/2004	CCQ2217I			0,0			
14	2122120504	Nguyễn Ngọc Thuý Linh	27/09/2004	CCQ2212K		<i>[Signature]</i>	6,3	4,8	5,4	
15	2122030164	Nguyễn Thành Luân	04/11/2004	CCQ2203E		<i>[Signature]</i>	6,0	5,3	5,6	
16	2121030059	Trần Văn Luận	03/01/2003	CCQ2103B		<i>[Signature]</i>	8,3	5,2	6,5	
17	2123270027	Vũ Thiên Lực	30/03/2005	CCQ2327A		<i>[Signature]</i>	8,3	4,0	5,7	
18	2123210031	Trần Công Minh	21/12/2005	CCQ2321A		<i>[Signature]</i>	7,4	4,2	5,5	
19	2123050169	Đặng Hoài Nam	22/08/2005	CCQ2305D		<i>[Signature]</i>	7,8	5,8	6,6	
20	2123170289	Phạm Thanh Nam	16/07/2005	CCQ2317I		<i>[Signature]</i>	6,7	4,3	5,3	
21	2123100026	Âu Thanh Ngân	13/12/2005	CCQ2310A		<i>[Signature]</i>	4,1	6,8	5,7	
22	2122100084	Nguyễn Thảo Nguyên	29/06/2004	CCQ2210C			0,0			
23	2123200336	Phan Thị Ánh Như	27/02/2005	CCQ2320D		<i>[Signature]</i>	7,0	1,0	3,4	
24	2123150058	Nguyễn Như Phát	01/01/2005	CCQ2315B		<i>[Signature]</i>	9,2	4,7	6,5	
25	2123180056	Trần Ngọc Phong	08/08/2005	CCQ2318B		<i>[Signature]</i>	8,1	6,6	7,2	
26	2121170472	Nguyễn Đặng Hoàng Phúc	22/11/2003	CCQ2117N		<i>[Signature]</i>	7,7	5,2	6,2	
27	2122110451	Lê Hồ Xuân Phương	14/08/2004	CCQ2222A		<i>[Signature]</i>	7,6	4,0	5,4	
28	2123030073	Nguyễn Thái Anh Quân	01/09/2005	CCQ2303C		<i>[Signature]</i>	8,4	3,0	5,2	

90

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 08/05/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

Gian bộ coi thi 1

Gian bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Quốc	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123170293	Phan Minh	Quốc	25/08/2005	CCQ2317I		Quốc	6,6	5,0	5,6	
30	2123100250	Hà Thị Tuyết	Quyên	05/08/2005	CCQ2310G		Quyên	7,1	5,6	6,2	
31	2122110423	Hoàng Công	Sơn	05/09/2004	CCQ2211LA		Sơn	6,0	5,0	5,4	
32	2123150057	Bùi Đức	Tài	15/10/2004	CCQ2315B		Tài	8,6	6,0	7,0	
33	2123120307	Võ Thị Mỹ	Tâm	09/11/2004	CCQ2312F		Mỹ	8,6	2,7	5,1	
34	2122170503	Bùi Tấn	Thanh	04/11/2004	CCQ2217M			0,0			
35	2122170703	Trần Hoài	Thanh	25/01/2003	CCQ2217R		Hoài	6,5	4,0	5,0	
36	2123120194	Phan Tấn	Thành	02/08/2004	CCQ2312D			0,0			
37	2123030116	Phan Văn	Thành	25/11/2005	CCQ2303C		Văn	6,8	0,5	3,0	
38	2123140062	Nguyễn Đức	Thạnh	10/11/2005	CCQ2314B		Thạnh	6,0	5,4	5,6	
39	2123200339	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/05/2005	CCQ2320D		Thảo	8,5	4,8	6,3	
40	2122170594	Nguyễn Cảnh	Thuần	21/10/2004	CCQ2217O		Cảnh	8,0	3,1	5,1	
41	2123120028	Nguyễn Minh	Thuận	01/10/2003	CCQ2312A		Minh	8,5	6,5	7,3	
42	2122120410	Lê Thị	Thúy	16/03/2004	CCQ2212L		Thúy	9,0	3,2	5,5	
43	2123260033	Nguyễn Thanh	Thúy	01/11/2005	CCQ2326A		Thanh	8,8	6,7	7,5	
44	2123180112	Đặng Trung	Tin	23/04/2001	CCQ2318C		Trung	8,0	4,3	5,8	
45	2123120119	Phan Hữu	Tinh	25/10/2004	CCQ2312C		Hữu	5,1	0,0	2,0	
46	2122030181	Nguyễn Thanh	Toán	27/07/2002	CCQ2203H		Thanh	8,2	4,8	6,2	
47	2123120308	Phạm Thị Doan	Trang	10/01/2005	CCQ2312F		Doan	9,4	4,0	6,2	
48	2123140060	Lê Quang	Triều	02/03/2005	CCQ2314B		Quang	7,5	3,3	5,0	
49	2123100225	Trần Thị Mỹ	Trình	25/10/2005	CCQ2310G		Mỹ	9,2	6,5	7,6	
50	2123140072	Doãn Nhật	Trường	16/11/2005	CCQ2314B		Trường	8,3	3,2	5,2	
51	2122170498	Trần Phạm Quốc	Việt	01/03/2004	CCQ2217M			0,0			

H: 06
Đ: 37

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C. Thuý

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 08/05/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 43..

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123210079	Nguyễn Thị Quế Anh	21/09/2005	CCQ2321C			7,5	7,2	7,3	
2	2123110378	Đỗ Thanh Bình	05/01/2005	CCQ2311K			5,8	5,8	5,8	
3	2123110258	Thành Ninh Bình	31/10/2004	CCQ2311H			6,9	8,8	8,0	
4	2122210160	Nguyễn Linh Đan	22/10/2004	CCQ2221A			8,3	7,2	7,6	
5	2123210072	Ngô Đặng Thành Đạt	30/07/2005	CCQ2321C			7,7	8,3	8,2	
6	2123200582	Nguyễn Thành Đạt	26/09/2003	CCQ2320F			4,7	5,3	5,1	
7	2123030007	Bùi Cao Nguyên Dữ	11/11/2004	CCQ2303A			5,1	6,2	5,8	
8	2123140009	Lê Ngọc Đức	10/08/2005	CCQ2314A			2,5			
9	2123210035	Nguyễn Quốc Dương	31/05/2005	CCQ2321A			4,3	7,8	6,4	
10	2122110237	Lê Nhật Hân	29/01/2003	CCQ2211F			4,9	6,0	5,6	
11	2123210110	Lê Thị Thanh Hằng	09/12/2005	CCQ2321D			6,0	3,5	4,5	
12	2123120170	Phạm Trí Hào	16/10/2005	CCQ2312C			6,4	9,0	8,0	
13	2123200444	Huỳnh Phương Hoà	24/09/2005	CCQ2320E			4,3	5,5	5,0	
14	2123210148	Chu Thị Hồng Huệ	09/08/2005	CCQ2321D			5,0	3,5	4,2	
15	2123170191	Nguyễn Hải Hưng	25/02/2004	CCQ2317E			3,7			
16	2122170541	Phạm Quang Huy	10/10/2004	CCQ2217N			3,4	7,5	5,9	
17	2123170305	Nguyễn Tiểu Long	06/07/2005	CCQ2317I			7,0	6,0	6,4	
18	2123140006	Nguyễn Hữu Luân	13/08/2005	CCQ2314A			4,9	7,8	6,6	
19	2123140016	Thịệu Ngọc Luân	20/03/2005	CCQ2314A			7,0	5,8	6,3	
20	2122170321	Đương Minh Lương	12/10/2003	CCQ2217H			4,2			
21	2122110272	Đương Tấn Ngọc	24/10/2004	CCQ2211G			1,6			
22	2123210144	Lê Hoàng Nhã	01/03/2005	CCQ2321D			8,3	5,0	6,3	
23	2123210102	Nguyễn Thị Den Ny	03/05/2005	CCQ2321C			6,6	7,2	7,0	
24	2123270065	Nguyễn Tín Phát	18/11/2005	CCQ2327B			6,0	0	2,4	
25	2123140086	Trần Văn Phong	27/01/2005	CCQ2314C			9,0	6,7	7,6	
26	2123030024	Châu Đặng Phú	02/08/2005	CCQ2303A			0,0			
27	2123100094	Võ Thị Trúc Phương	22/12/2005	CCQ2310C			7,1	7,0	7,0	
28	2123190032	Từ Nữ Bích Phượng	10/10/2004	CCQ2319A			6,6	3,5	4,7	

91

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C.Thuỷ

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 08/05/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 43

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123210005	Vũ Ngọc Sơn	29/09/2000	CCQ2321A		SON	5,8	7,9	7,1	
30	2123140013	Vũ Hà Tây	23/11/2005	CCQ2314A		Hà	6,9	4,0	5,2	
31	2123110053	Nguyễn Thành Thái	23/11/2005	CCQ2317C		Thi	7,5	6,0	6,6	
32	2123140100	Trần Văn Phước	04/11/2005	CCQ2314C		Phuoc	8,4	7,0	7,6	
33	2123170190	Dương Nguyễn Hoàng Thi	09/04/2004	CCQ2317F		Thi	7,1	5,5	6,1	
34	2123300107	Huỳnh Da Thiên	10/03/2004	CCQ2330C		Thi	6,4	4,2	5,1	
35	2123170263	Nguyễn Hữu Thiện	02/06/2005	CCQ2317H		Thi	6,7	5,4	5,9	
36	2123200488	Lê Quốc Thịnh	01/02/2005	CCQ2320F		Thi	4,8	2,8	3,6	
37	2122050147	Huỳnh Văn Thuận	26/05/2003	CCQ2205C			2,1			
38	2123210145	Nguyễn Cẩm Tiên	04/07/2005	CCQ2321B		Thi	7,5	7,3	7,4	
39	2121150021	Nguyễn Kim Tiến	15/09/2003	CCQ2115A		Thi	5,0	5,1	5,1	
40	2123270012	Bùi Thị Huỳnh Trang	17/08/2005	CCQ2327A		Thi	6,7	0	2,7	
41	2123140017	Trần Hữu Trí	19/12/2005	CCQ2314A		Thi	6,3	4,2	5,0	
42	2123170101	Nguyễn Văn Trung	16/10/2004	CCQ2317C		Thi	5,4	5,4	5,4	
43	2123030017	Nguyễn Trọng Trường	17/05/2004	CCQ2303A		Thi	6,8	4,3	5,3	
44	2122100266	Nguyễn Lê Anh Tú	28/10/2004	CCQ2210H			0,0			
45	2123140099	Doãn Ngọc Tuấn	10/11/2005	CCQ2314C		Thi	8,3	7,8	8,0	
46	2123170452	Lê Văn Tuấn	18/11/2005	CCQ2317I		Thi	6,6	4,0	5,0	
47	2123140082	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	28/07/2005	CCQ2314C		Thi	8,3	7,9	8,1	
48	2123140075	Cai Văn Vinh	29/07/2005	CCQ2314C		Thi	8,1	4,5	5,9	
49	2123140097	Nguyễn Hoài Vinh	12/01/2005	CCQ2314C		Thi	6,8	7,1	7,0	
50	2123170084	Trần Quang Vũ	22/11/2005	CCQ2317C		Thi	7,3	3,5	5,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Đ: 40
H: 3.

C. Loan

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 08/05/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 43

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123120199	Hồ Tuyết Anh	26/03/2005	CCQ2312D			6,2	5,6	5.8	
2	2123260115	Nguyễn Ngọc Lan Anh	10/11/2005	CCQ2326D			5,9	4,7	5.2	
3	2123150034	Nguyễn Văn Cảnh	11/04/2005	CCQ2315A			4,5	2,5	3.3	HL
4	2123100254	Hồ Thị Ngọc Dương	23/09/2005	CCQ2310G			4,5			
5	2123140076	Nguyễn Hồ Tấn Duy	29/01/2004	CCQ2314C			6,5	6,6	6.6	
6	2123300007	Nguyễn Thái Duy	28/02/2005	CCQ2330A			5,8	4,7	5.1	
7	2123150036	Võ Hồ Bảo Duy	14/06/2005	CCQ2315A			5,5	5,0	5.2	
8	2123200280	Nguyễn Thành Giang	23/09/2004	CCQ2320C			8,4	5,7	6.8	
9	2123210132	Nguyễn Hoài Hân	23/04/2005	CCQ2321D			8,0	7,4	7.6	
10	2122120458	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	17/05/2004	CCQ2212N			6,7	4,8	3.8	HL
11	2123150020	Đoàn Hoàng Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A			6,0	9,4	8.0	
12	2123200346	Huỳnh Thị Minh Hòa	01/03/2005	CCQ2320D			7,5	5,2	6.1	
13	2123140084	Trần Võ Hoàng	25/06/2005	CCQ2314C			8,1	7,3	7.6	
14	2122140062	Phạm Xuân Hùng	02/10/2004	CCQ2214B			6,6	5,8	6.1	
15	2123150019	Lê Văn Hưng	13/01/2005	CCQ2315A			5,7	5,3	5.5	
16	2123220039	Phạm Văn Huy	09/09/2005	CCQ2322B			7,5	3,3	5.0	
17	2123140083	Võ Thái Huy	25/05/2005	CCQ2314C			7,5	5,7	6.4	
18	2122050102	Nguyễn Tấn Khôi	01/02/2004	CCQ2205C			7,2	5,4	6.1	
19	2123110087	Nguyễn Đức La	17/07/2005	CCQ2311C			6,5	4,6	5.4	
20	2123110235	Trần Thị Bích Liên	31/05/2003	CCQ2311G			6,1	5,6	5.8	
21	2123120519	Bùi Khánh Linh	02/09/2005	CCQ2312I			5,7			
22	2123150021	Nguyễn Thành Lộc	08/05/2003	CCQ2315A			0,0			X
23	2123120286	Nguyễn Phạm Ngọc Luyến	29/08/2005	CCQ2312F			9,0	7,3	8.0	
24	2123120528	Nguyễn Ngọc Ngân	10/12/2005	CCQ2312I			1,7	0		
25	2122030057	Lưu Chí Nghĩa	13/09/2004	CCQ2203B			5,2	5,2	5.2	
26	2123260009	Huỳnh Thị Tuyết Nguyên	04/09/2005	CCQ2326A			6,4	6,7	6.6	
27	2123050141	Vũ Xuân Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D			8,0	7,4	7.6	
28	2123110322	Nguyễn Thống Nhất	13/12/2005	CCQ2311I			9,2	6,4	7.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C-Luan

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 08/05/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 43

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123120360	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/10/2005	CCQ2312G	Nhi	5,0	6,6	6.0	
30	2122420263	Hà Thị Tuyết	Nhung	06/02/2004	CCQ2212H		0,0			*
31	2123050143	Cao Lâm Triều	Phát	19/01/2004	CCQ2305D	Phat	5,5	5,4	5.4	
32	2122100363	Dinh Hoàng	Phúc	26/11/2004	CCQ2226E	Phuc	8,0	3,0	5.0	
33	2123180009	Lê Anh	Quân	15/03/2005	CCQ2318A	Quan	7,8	4,1	5.6	
34	2123120367	Nguyễn Thành	Quy	25/09/2005	CCQ2312G		4,0			*
35	2123100215	Mai Xuân	Quỳnh	25/07/2005	CCQ2310F	Quynh	9,7	8,8	9.2	
36	2122120557	Võ Thị Thu	Quỳnh	08/04/2004	CCQ2212P	Thu	5,6	6,6	6.2	
37	2123140098	Nguyễn Phi	Thanh	20/02/2005	CCQ2314C	Thanh	6,5	6,6	6.6	
38	2123110313	Lê Minh	Thành	06/10/2005	CCQ2311I	Minh	9,4	6,3	7.5	
39	2122400112	Nguyễn Công	Thành	10/01/2004	CCQ2210D		1,5			*
40	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		1,6			*
41	2123210146	Trần Thị Hoàng	Thơ	06/03/2005	CCQ2321D	Tho	9,4	6,1	7.4	
42	2123210186	Bùi Thị Phương	Thư	28/06/2005	CCQ2321D	Thu	8,2	6,4	7.1	
43	2123150008	Nguyễn Chí	Tiến	09/04/2005	CCQ2315A	Tien	10,0	9,4	9.6	
44	2123110343	Lương Trung	Tinh	28/07/2005	CCQ2322C		2,8			*
45	2122170430	Nguyễn Tấn	Toàn	21/01/2004	CCQ2217K	Toan	5,0	6,2	5.7	
46	2123210123	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	15/07/2005	CCQ2321D	Truc	8,8	7,6	8.1	
47	2123110303	Đặng Quốc	Trung	25/12/2005	CCQ2311I	Trung	8,4	8,2	8.3	
48	2123110125	Lê Thanh	Tường	05/09/2005	CCQ2311D		7,4			
49	2122140039	Nguyễn Hữu	Tý	18/05/2004	CCQ2214B	Ty	4,1	3,4	3.7	HL
50	2123110288	Nguyễn Anh	Việt	17/10/2005	CCQ2311I	Viet	8,5	6,4	7.2	
51	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	CCQ2305D	Vong	5,5	5,2	5.3	
52	2123210122	Nguyễn Thị	Xuân	21/11/2005	CCQ2321D	Xuan	9,0	7,0	7.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C.T.K

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 08/05/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 44

Số bài thi: 44

Số tờ giấy thi: 44

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	01/05/2005	CCQ2305D			0,0			
2	2123300118	Hoàng Thị Hoài An	07/08/2005	CCQ2330B		An	8,7	8,5	8,6	
3	2123120430	Nguyễn Thành Công	02/04/2005	CCQ2312H		cm	6,8	7,2	7,0	
4	2123200443	Trần Thị Hà Danh	09/11/2005	CCQ2320E		Danh	6,0	7,6	7,0	
5	2123170158	Lê Khả Đạt	29/08/2005	CCQ2317E		Đạt	9,4	6,6	7,7	
6	2123170174	Nguyễn Công Đạt	25/11/2005	CCQ2317E		Đạt	8,5	6,0	7,0	
7	2122220025	Nguyễn Quốc Đạt	28/01/2004	CCQ2222A		Đạt	9,3	6,0	7,3	
8	2122110184	Nguyễn Trần Tiến Dũng	03/10/2004	CCQ2222A		Dũng	8,8	7,2	7,8	
9	2123300053	Phan Thị Thùy Dương	12/05/2005	CCQ2330B		Dương	8,1	4,4	5,9	
10	2123210099	Vũ Hồng Duyên	18/11/2005	CCQ2321C		duyen	9,5	4,6	6,6	
11	2123030097	Nguyễn Hoàng Hải	11/01/2005	CCQ2303C			0,5			
12	2123170233	Nguyễn Việt Hải	08/01/2005	CCQ2317G		Hải	5,5	4,9	5,1	
13	2123260133	Hoàng Thị Hằng	27/07/2005	CCQ2326D		Huy	7,5	7,0	7,2	
14	2122110139	Châu Lê Thanh Hậu	01/06/2004	CCQ2222A			2,5			
15	2123060225	Trương Thiên Hậu	23/08/2004	CCQ2306A			0,0			
16	2123300086	Trần Mỹ Hiền	15/01/2005	CCQ2330C		Hiền	6,5	8,5	7,7	
17	2123180005	Đoàn Công Hiến	02/08/2005	CCQ2318A		Hiến	5,5	4,2	4,7	
18	2123110415	Trần Thành Hiến	01/06/2005	CCQ2311L		Hiến	7,5	8,1	7,9	
19	2123140044	Trần Hữu Hiếu	22/04/2005	CCQ2314B		Hiếu	5,5	2,7	3,8	
20	2123170156	Võ Văn Hưng	15/09/2005	CCQ2317E		Hưng	6,5	5,1	5,7	
21	2123210053	Nguyễn Gia Huy	13/11/2005	CCQ2321B		Huy	8,3	4,8	6,2	
22	2123140124	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt	31/01/2005	CCQ2314B		Kiệt	9,0	5,2	6,7	
23	2123140039	Nguyễn Duy Lê	10/07/2005	CCQ2314B		Lê	9,8	8,1	8,8	
24	2123120420	Châu Tuyền Linh	30/06/2005	CCQ2312H		Linh	5,5	1,4	3,0	
25	2123190075	Trần Đặng Thị Xuân Lộc	28/04/2005	CCQ2319C		Lộc	7,5	5,8	6,5	
26	2123140042	Văn Lê Trọng Lượng	05/11/2005	CCQ2314A		Lượng	7,8	4,0	5,5	
27	2123200647	Trần Thanh Trúc Ly	02/02/2005	CCQ2320G		Ly	8,4	8,0	8,2	
28	2122100357	Trương Thị Ngọc Mỹ	03/10/2004	CCQ2210J		Mỹ	8,9	5,7	7,0	

93

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C.Thu

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 08/05/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 44

Số bài thi: 44

Số tờ giấy thi: 44

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123300041	Phạm Trung	Nam	23/01/2005	CCQ2330B		Nam	8,4	8,1	8,2	
30	2123200429	Lê Thị Thanh	Nữ	25/08/2005	CCQ2320E		Thy	7,5	6,4	6,8	
31	2123140063	Lê Hữu	Nghĩa	30/08/2005	CCQ2314B		Huu	7,8	3,2	5,0	
32	2123200456	Trà Thị Bích	Nữ	19/07/2003	CCQ2320E		Bich	7,6	5,7	6,5	
33	2123140102	Nguyễn Hiếu	Nguyên	18/02/2005	CCQ2314C		Hieu	7,8	4,2	5,6	
34	2123140071	Trần Trung	Nguyên	27/02/2005	CCQ2314B		Trung	9,8	6,1	7,6	
35	2122100511	Hồ Ngọc	Nữ	27/01/2004	CCQ2220G			0,0			
36	2123200518	Lê Yến	Nữ	14/11/2005	CCQ2320B			5,2			
37	2123170150	Phạm Quốc	Phát	10/11/2005	CCQ2317E		Quoc	8,8	7,0	7,7	
38	2123140106	Lê Huỳnh Đại	Phúc	28/07/2005	CCQ2314C		De	9,8	8,5	9,0	
39	2123170114	Nguyễn Đặng	Quý	28/06/2005	CCQ2317D		Qui	7,6	4,2	5,6	
40	2123170139	Nguyễn Huy	Quý	16/01/2005	CCQ2317D		Huy	8,4	5,6	6,7	
41	2123140050	Hồ Nguyễn Đức	Quyên	07/09/2005	CCQ2314B		Quy	9,6	6,6	7,8	
42	2123140053	Bá Ngọc	Son	30/01/2005	CCQ2314B		Son	8,7	5,8	7,0	
43	2123060150	Phạm Như	Thảo	27/01/2005	CCQ2310F		Nhu	8,4	6,3	7,1	
44	2123170145	Mai Ngọc	Tinh	03/02/2005	CCQ2317E		Tinh	6,5	5,9	6,1	
45	2123120364	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/03/2005	CCQ2312G		Thuy	6,5	1,4	3,4	
46	2123210017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2005	CCQ2321A		Thuy	7,1	6,1	6,5	
47	2123180004	Nguyễn Sĩ	Trung	03/03/2005	CCQ2318A		Trung	8,2	5,7	6,7	
48	2123200523	Huỳnh Văn	Viễn	07/02/2005	CCQ2320F		Vien	6,5	5,4	5,8	
49	2123140103	Đặng Thảo	Vy	14/12/2005	CCQ2314C		Thao	10,0	8,7	9,2	
50	2123120250	Hà Thị Thảo	Vy	08/04/2005	CCQ2312E		Vy	7,5	7,6	7,6	